

Bản án số: **45/2018/HNGĐST**
Ngày 19-9-2018
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô rô Be**

2. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 19 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2018/TLST–HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2018/QĐXXST–HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim L** – sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: số 291/1, tổ 08, khu phố K, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh **Đỗ Hoàng H** – sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: số 291/1, tổ 08, khu phố K, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 05/9/2018 và các lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:**

Chị và anh Đỗ Hoàng H chung sống với nhau vào năm 2000, được Ủy ban nhân dân xã MB, huyện C, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyền số 01/2006, ngày 13 tháng 01 năm 2006. Vợ chồng có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trước khi cưới, vợ chồng có tìm hiểu nhau

trước khoảng 02 tháng mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, anh H thường xuyên đi nhậu, về đến nhà là đập phá đồ đạc, chửi bới vợ con. Chị L đã khuyên can nhiều lần, cho anh H nhiều cơ hội để sửa đổi và anh H cũng đã viết cam kết nhưng anh H vẫn không thay đổi, tổng cộng đã bốn lần chị L gửi đơn ra Tòa án để yêu cầu ly hôn với anh H. Vợ chồng anh chị đã ly thân với nhau từ tháng 6 năm 2018 đến nay.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung:

1. Đỗ Hoàng Q – sinh ngày 09/02/2001

2. Đỗ Thị Tố N – sinh ngày 19/5/2005

Các cháu đã có giấy khai sinh và hiện nay đang sống chung với cha mẹ.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 căn nhà tại số 291/1, tổ 08, khu phố K, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị L yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về quan hệ con chung: Chị L yêu cầu được nuôi hai cháu Đỗ Hoàng Q – sinh ngày 09/02/2001 và Đỗ Thị Tố N – sinh ngày 19/5/2005, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 05/9/2018 và các lời khai tại phiên tòa, bị đơn anh Đỗ Hoàng H trình bày:***

Anh H xác nhận lời trình bày của chị L về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung là đúng. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn thì anh cho rằng vợ chồng tuy có xảy ra cự cãi nhưng không lớn, không đến mức phải ly hôn, anh còn thương con nên không đồng ý ly hôn. Hiện vợ chồng vẫn còn chung sống với nhau chứ không ly thân. Tuy nhiên, anh H thừa nhận có đi nhậu say về chửi vợ con, nhưng do chị L cự cãi nên anh mới chửi lại.

Tại phiên tòa anh H yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân*: anh H không đồng ý ly hôn với chị L.

Trong trường hợp Tòa án cho ly hôn thì:

- *Về quan hệ con chung*: Anh H yêu cầu được nuôi cháu Đỗ Thị Tố N – sinh ngày 19/5/2005, không yêu cầu chị L cấp dưỡng. Anh H đồng ý giao cháu Đỗ Hoàng Q – sinh ngày 09/02/2001 cho chị L nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi cháu Q.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim L được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp.

Xét yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị Nguyễn Thị Kim L, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Nguyễn Thị Kim L và anh Đỗ Hoàng H chung sống với nhau được Ủy ban nhân dân xã MB, huyện C, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01/2006, ngày 13/01/2006 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Mặt khác, chị L đã nhiều lần cho anh H cơ hội sửa đổi, chị L đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H tại Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp hai lần, nhưng sau đó đã rút đơn và Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 37/2017/QĐST-HNGĐ ngày 24/11/2017 và Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 16/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11/4/2018, nhằm tạo điều kiện để anh H sửa đổi; đồng thời, bản thân anh H cũng đã có cam kết sẽ sửa đổi, nhưng anh H vẫn không thay đổi. Do đó, việc chị L yêu cầu được ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về quan hệ con chung: Xét yêu cầu được nuôi hai cháu Đỗ Hoàng Q và Đỗ Thị Tố N của chị L, và yêu cầu của anh H là được nuôi cháu Đỗ Thị Tố N,

Xét thấy theo biên bản tiếp xúc, ghi nhận nguyện vọng của hai cháu Đỗ Hoàng Q và Đỗ Thị Tố N thì nguyện vọng của cả hai cháu Q và N là đều muốn

được ở với mẹ, ngoài ra vì cháu N là con gái nên việc sống chung với mẹ sẽ tốt hơn cho sự phát triển về mọi mặt của cháu; do đó yêu cầu của chị L là có căn cứ.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị L và anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về nợ chung: chị L và anh H xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Từ những nhận định trên, căn cứ vào Điều 55, các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim L,

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với anh Đỗ Hoàng H.

- *Về quan hệ con chung:* Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim L, không chấp nhận yêu cầu của anh Đỗ Hoàng H; giao hai cháu Đỗ Hoàng Q – sinh ngày 09/02/2001 và Đỗ Thị Tố N – sinh ngày 19/5/2005 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* chị Nguyễn Thị Kim L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 57, các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với anh Đỗ Hoàng H.

2. Về quan hệ con chung: Giao hai cháu Đỗ Hoàng Q – sinh ngày 09/02/2001 và Đỗ Thị Tố N – sinh ngày 19/5/2005 cho chị Nguyễn Thị Kim L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Đỗ Hoàng H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đỗ Hoàng H được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Kim L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005127 ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- UBND xã MB, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo